TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2017/DS - ST
Ngày: 25 - 9 - 2017
"*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Đình Huận
2. Ông Nguyễn Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thanh Quang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch huyện Quảng Trạch

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Duẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2017/TLST-TCDS ngày 30 tháng 6 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2017/QĐXX-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:
Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1967
Địa chỉ: 459 Tổ dân phố C, phường Quảng P, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Tường V, sinh năm 1976
Địa chỉ: thôn Vịnh S, xã Quảng Đ, huyện Quảng T, tỉnh Quảng Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972
Địa chỉ: 459 Tổ dân phố C, phường Quảng P, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình.
- Chị Đinh Thị Ng, sinh năm 1979
Địa chỉ: thôn Vịnh S, xã Quảng Đ, huyện Quảng T, tỉnh Quảng Bình.

(Tại phiên tòa các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân C trình bày: năm 2011 vợ chồng anh Nguyễn Tường V và chị Đinh Thị Ng có vay của vợ anh là Nguyễn Thị H số tiền 136.000.000 đồng, năm 2013, vợ chồng anh V, chị Ng tiếp tục vay của anh số tiền 80.000.000 đồng, mục đích để tạo vốn làm ăn. Ngày 25/02/2013 vợ chồng anh và vợ chồng anh V đã cùng nhau thống nhất các khoản nợ trên là chung của cả hai vợ chồng và hai bên chốt nợ số tiền là 216.000.000 đồng. Anh V là người trực tiếp viết giấy nợ và chỉ một mình anh và anh V trực tiếp ký tên. Hai bên có thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng, anh V hứa cam kết sẽ trả toàn bộ số nợ gốc 216.000.000 đồng cùng với lãi phát sinh vào tháng 12 năm 2013. Nhưng đến hạn anh V không thực hiện việc trả nợ như đã cam kết, anh đã nhiều lần đến nhà và điện thoại để yêu cầu anh V trả nợ nhưng anh V vẫn khất hứa và cố tình không trả nợ. Trong khoảng thời gian từ khi vay nợ, đến nay anh V có trả tiền lãi cho anh hai lần số tiền là 70.000.000 đồng, trong đó lần thứ nhất trả trực tiếp số tiền 30.000.000 đồng (anh không nhớ ngày tháng cụ thể nhưng hai bên có viết giấy nhận tiền và giấy này giao cho anh V trực tiếp giữ); lần thứ hai anh V chuyển qua tài khoản số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 02/02/2017. Tại phiên tòa anh yêu cầu anh V phải có trách nhiệm trả cho anh toàn bộ số nợ gốc 216.000.000 đồng. Riêng tiền lãi anh yêu cầu được tính như sau: đối với số tiền 70.000.000 đồng mà anh V đã trả tính theo mức lãi suất 2,5%/tháng như đã thỏa thuận trong hợp đồng và tương ứng với 13 tháng, thời gian còn lại anh yêu cầu tính lãi 1,25%/tháng cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Ngoài ra sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh V phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Tường V trình bày: Vào khoảng tháng 6 năm 1012 vợ anh là Đinh Thị Ng có vay nợ của chị Nguyễn Thị H (vợ anh C) số tiền 80.000.000 đồng, cũng trong tháng 6 năm 2012 tiếp tục vay của anh Nguyễn Xuân C số tiền 80.000.000 đồng, mức lãi suất của hai lần vay là 2000đ/1.000.000đ/ngày. Việc vợ anh vay nợ của vợ chồng anh C và chị H anh không hề biết, vì thời gian đó anh lái xe đường dài, nên thường xuyên xa nhà. Cuối năm 2012 anh C có điện thoại cho anh và thông báo về khoản nợ của vợ anh, bản thân anh cũng đã hợp tác với anh C chấp nhận số nợ trên, nên vào ngày 25/02/2013 anh đã vào nhà anh C và cùng với anh C viết giấy nợ với số tiền là 216.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận 2,5%/tháng và hẹn đến tháng 12/2013 sẽ trả cho anh C toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh không thực hiện đúng cam kết việc trả nợ đối với anh C. Quá trình vay nợ anh đã trả cho anh C số tiền lãi là 100.000 đồng. Tại phiên tòa anh hoàn toàn thừa nhận đối với khoản vay 216.000.000 đồng tiền gốc của anh C. Đối với khoản tiền lãi, theo anh mức lãi suất giữa anh và anh C đã thỏa thuận 2,5%/tháng, cũng như mức lãi suất mà anh C yêu cầu tại phiên tòa 1,25%/tháng là quá cao so với quy định của pháp luật.Vì vậy anh đồng ý trả tiền

lãi cho anh C nhưng chỉ với mức lãi suất là 1,125%/tháng, tính từ thời điểm vay cho đến tại phiên tòa sơ thẩm.

Ý kiến trình bày của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ý kiến của chị Nguyễn Thị H: chị hoàn toàn nhất trí với ý kiến của anh Nguyễn Xuân C. Trong số tiền 216.000.000 mà giữa anh C và anh V đã viết giấy nợ với nhau vào ngày 25/02/2013, có 136.000.000 đồng là số tiền chị trực tiếp cho chị Đinh Thị Ng vợ anh Vy vay, số tiền 80.000.000 đồng do anh C chồng chị cho vay, nhưng do chị và anh C là vợ chồng và cũng được vợ chồng anh V chị Ng nhất trí nên hai bên đã cùng thống nhất gộp chung thành một khoản nợ. Quá trình vay chị cũng có biết vợ chồng anh V có trả lãi cho anh C số tiền 70.000.000 đồng đúng như anh C đã trình bày. Nay chị cũng đồng ý như yêu cầu của anh C, bởi vì khoản tiền chị cho chị Ng vay, chị đã đồng ý nhập vào khoản nợ chung cùng với anh C, nên hiện nay chị không liên quan mà giao cho anh C toàn quyền quyết định.

Ý kiến chị Đinh Thị Ng: Năm 2011 chị có vay của chị H số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 2.000đ//1.000.000 đ/ngày, sau đó có vay thêm của chị H số tiền 50.000.000 đồng với hình thức lãi suất tương tự. Sau đó một thời gian tiếp tục vay của anh C số tiền 80.000.000 đồng. Do vợ chồng chị không có điều kiện trả nợ, nên tiền lãi phát sinh là 56.000.000 đồng. Đến ngày 25/02/2013 vợ chồng chị đã cùng với vợ chồng anh C, chị H thống nhất viết giấy chốt nợ là 216.000.000 đồng. Hiện tại do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên chị cũng thống nhất phương án trả nợ như anh V chồng chị đã trình bày và chị sẽ có trách nhiệm liên đới cùng với chồng chị là Nguyễn Tường V để trả nợ cho anh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch phát biểu ý kiến: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 471, 474 và 476 Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Xuân C, buộc bị đơn anh Nguyễn Tường V phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh C số tiền gốc 216.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm các bên xác lập giao dịch dân sự là 1,125% theo quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010, thời gian tính từ thời điểm vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Quá trình giải quyết vụ án theo lời khai của các bên đương sự và chứng cứ thể hiện vào ngày 25/02/2013 giữa anh Nguyễn Xuân C và anh Nguyễn Tường V đã cùng nhau viết giấy vay nợ, với nội dung anh Nguyễn Tường V vay của anh Nguyễn Xuân C số tiền 216.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2,5%/tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng vào tháng 12 năm 2013. Như vậy đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Sau khi kết thúc thời hạn vay (tháng 12/2013), anh V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên anh V vẫn thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi lần cuối cùng vào ngày 02/02/2017 và quá trình giải quyết vụ án anh V vẫn thừa nhận nghĩa vụ trả nợ của mình đối với anh C. Vì vậy thời hiệu khởi kiện yêu cầu trả tiền lãi của anh C vẫn còn, nên xác định đây là quan hệ tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn và lời khai của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phí bị đơn thống nhất với nhau đối với số tiền 216.000.000 đồng là xuất phát từ việc vợ anh V (chị Đinh Thị Ng) vay của vợ chồng anh C và chị H nhiều lần, trước thời điểm anh V và anh C viết giấy vay nợ (ngày 25/02/2013). Tuy nhiên, lời khai của các bên không thống nhất với nhau về số lần vay cũng như số tiền của mỗi lần vay và cũng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình. Vì vậy căn cứ vào giấy vay tiền giữa anh C và anh V xác lập vào ngày 25/02/2013 để khẳng định việc anh C khởi kiện yêu cầu anh V trả nợ là có cơ sở chấp nhận. Trong quá trình vay từ ngày 25/02/2013 đến ngày 02/02/2017, phía nguyên đơn anh Nguyễn Xuân C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H cùng thừa nhận anh V đã trả tiền lãi cho anh C số tiền 70.000.000 đồng, tuy nhiên phía bị đơn anh Nguyễn Tường V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Ng cho rằng đã trả cho anh Nguyễn Xuân C số tiền lãi là 100.000.000 đồng, tuy nhiên anh V và chị Ng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc trả tiền lãi 30.000.000 đồng ngoài số tiền 70.000.000 đồng mà anh C và chị H đã thừa nhận, nên không có cơ sở để chấp nhận.

Về lãi suất: Các đương sự có thoả thuận lãi suất của số tiền vay là 2,5%/tháng, mặc dù tại phiên tòa phía anh C có thay đổi yêu cầu về lãi suất xuống 1,25%/ tháng, nhưng số tiền 70.000.000 đồng mà anh V đã thanh toán trước đây vẫn tính theo lãi suất 2,5%. Xét thấy việc thỏa thuận về lãi suất tại thời điểm các bên xác lập giao dịch dân sự cũng như theo yêu của anh C tại phiên tòa là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005 và cũng không được phía anh V chấp nhận. Khoản 1 Điều

476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định "Lãi suất do các bên đương sự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại vay tương ứng". Ở thời điểm các đương sự xác lập giao dịch dân sự thì lãi suất cơ bản được công bố là 9%/năm, tương ứng với 0,75%/tháng (theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước). Như vậy các đương sự chỉ có thể thỏa thuận cho vay tối đa là 1,125%/tháng. Do đó yêu cầu về mức lãi suất của anh C không có cơ sở để chấp nhận. Như vậy giữa các bên đương sự có tranh chấp về lãi suất, nên cần áp dụng mức lãi suất 1,125%/tháng vừa đảm bảo quyền lợi của đương sự đồng thời cũng phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó số tiền lãi cụ thể được tính như sau: Số tiền 216.000.000 đồng từ ngày 25/02/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/9/2017 là 54 tháng 29 ngày (216.000.000 x 54 tháng 29 ngày x 1,125%) = 133.569.000 đồng – số tiền lãi đã trả 70.000.000 đồng = 63.569.000 đồng

Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi: 216.000.000đ + 63.569.000đ = 279.569.000đ *(Hai trăm bảy mươi chín triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng).*

Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không thỏa thuận được lãi suất chậm trả. Vì vậy kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về trách nhiệm trả nợ: Theo chứng cứ giấy vay tiền lập ngày 25/02/2013 chỉ thể hiện người cho vay là anh Nguyễn Xuân C và người vay là anh Nguyễn Tường V. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa, anh V và chị Ng cùng thống nhất đó là khoản nợ chung của vợ chồng và chị Ng tự nguyện chấp nhận cùng anh V có nghĩa vụ trả nợ cho anh C. Vì vậy cần áp dụng Điều 28 Luật hôn nhân và gia đình để buộc anh V và chị Ng cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho anh C là phù hợp.

Về án phí dân sự sơ thẩm: vợ chồng anh Nguyễn Tường V và chị Đinh Thị Ng phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho anh Nguyễn Xuân C được Tòa án chấp nhận để sung vào công quỹ nhà nước theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 471; 474; 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 468; 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 28 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Xuân C. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Tường V và chị Đinh Thị Ng phải có nghĩa vụ liên đới trả

nợ cho anh Nguyễn Xuân C số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/9/2017 (ngày xét xử sơ thẩm) là 279.569.000đ *(Hai trăm bảy mươi chín triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng).*

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng anh Nguyễn Tường V và chị Đinh Thị Ng phải chịu 13.978.450đ *(mười ba triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng)*. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Xuân C số tiền tạm ứng án phí 10.428.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch theo biên lai số 002248 ngày 28/6/2017.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Q.Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Các đương sự ;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Hữu Tình